

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 4 - 2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Cúc Phương

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân – Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Thái Ngọc Mai - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đoàn Thị Thùy L.** Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Lò Văn D.** Địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị L, anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 22/9/2023. Quá trình

hung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 9/2025 vợ chồng sống ly thân. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lò Ngọc Anh T - sinh ngày 12/11/2023. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không trả lời thông báo thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

3. Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tại phiên tòa:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS; Bị đơn không thực hiện các quy định của BLTTDS, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

- Ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, 35, 39/BLTTDS.

+ Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228, 238/BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thùy L được ly hôn với anh Lò Văn D.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lò Ngọc Anh T - sinh ngày 12/11/2023 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã N, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Chị L, anh D có đăng ký kết hôn ngày 22/9/2023 tại UBND xã N, huyện Đ (nay là xã T), tỉnh Điện Biên là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời khai của nguyên đơn, thấy rằng nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không trả lời thông báo thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Được coi là từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Thể hiện sự thiếu thiện chí trong việc giải quyết vụ án, không có nguyện vọng đoàn tụ.

Do đó có căn cứ về việc chị L, anh D không có tình nghĩa vợ chồng, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho chị L được ly hôn với anh D.

[3.2] Về con chung: Chị L, anh D có 01 con chung là Lò Ngọc Anh T - sinh ngày 12/11/2023. Chị L có nguyện vọng: Sau khi ly hôn chị sẽ trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, yêu cầu giải quyết về con chung của nguyên đơn là phù hợp vì cháu T còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ, việc giao con cho chị L là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của nguyên đơn.

[3.3] Về tài sản chung: Do đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Do đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thùy L.

1. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thùy L được ly hôn với anh Lò Văn D.

2. Về con chung: Chị Đoàn Thị Thùy L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Ngọc Anh T - sinh ngày 12/11/2023 cho đến khi đủ tuổi thành niên hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha,

mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000288 ngày 30/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. (chị L đã nộp đủ tiền án phí)

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS tỉnh ĐB;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- UBND xã T, tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ